

KINH TẾ - XÃ HỘI

NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN TRONG QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - HOA KỲ

GS. TS. Nguyễn Thiết Sơn
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ từ khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận chống Việt Nam ngày 3/02/1994, thực hiện công nhận ngoại giao và bình thường hóa quan hệ (11/7/1995) đến nay, đã trải qua nhiều mốc phát triển quan trọng: Đàm phán và ký kết Hiệp định Thương mại song phương; ký kết các hiệp định về thực hiện Quyền tác giả, không áp dụng Điều luật Jackson-Vanik, OPIC, Ngân hàng, Khoa học và Công nghệ, Dệt-may, Hàng không, Kinh tế và Kỹ thuật, Nông nghiệp, Việt Nam gia nhập WTO, áp dụng PNTR, Hiệp định TIFA... Bài viết này trình bày những bước phát triển quan trọng trong quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

I. Những cơ sở quan trọng

Có một số cơ sở quan trọng tạo điều kiện cho quan hệ kinh tế giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ phát triển, phân dưới đây chúng tôi xin nêu một số vấn đề liên quan: 1/ Quan hệ lịch sử, 2/ Tâm quan trọng chiến lược, 3/ Vấn đề kinh tế - xã hội, 4/ Cơ sở luật pháp...

Quan hệ lịch sử

Trước năm 1975, Hoa Kỳ và Việt Nam (miền Bắc) hầu như không có quan hệ kinh tế với nhau. Từ tháng 5/1975, Hoa Kỳ thực thi chính sách cấm vận chống Việt Nam trên tất cả

các lĩnh vực chính trị, kinh tế (quan hệ thương mại, đầu tư, tài chính, ngân hàng, tiền tệ, tín dụng...), và Hoa Kỳ cũng ngăn cản quan hệ của các nước đồng minh và nhiều tổ chức quốc tế với Việt Nam.

Mặc dù vậy, hai nước vẫn có một lịch sử quan hệ do chiến tranh để lại, với nhiều lý do khác nhau, nhiều người của hai bên đã thúc đẩy tiếp tục chống nhau, hoặc cải thiện quan hệ hữu nghị với nhau. Cuối cùng, xu thế hòa giải, cải thiện, đi đến thiết lập các quan hệ hữu nghị với nhau đã chiến thắng. Có rất nhiều vấn đề lịch sử do chiến tranh để lại cần phải đối mặt giải quyết. Với người Mỹ, rút khỏi chiến tranh Việt Nam chưa phải là đã xong. Còn rất nhiều vấn đề như POW-MIA, vấn đề hội chứng Việt Nam, vấn đề chất độc da cam, nhiều vấn đề nhân đạo, lương tâm (nếu nói đến nó), vấn đề chính sách đối ngoại, tiến hành chiến tranh chống một nước khác,... đã và đang chi phối Hoa Kỳ, cả người dân và chính trường. Với Việt Nam, một đất nước tươi đẹp bị chiến tranh tàn phá, cần có môi trường bên trong và môi trường quốc tế thuận lợi để xây dựng lại và phát triển, nhiều vấn đề quá khứ chiến tranh trong quan hệ giữa hai nước, nhiều hậu quả chiến tranh nặng nề còn khắp nơi trên đất nước Việt Nam cần gác lại để giải quyết rất nhiều khó

khẩn trước mắt, nhằm tiếp tục tồn tại và phát triển.

Tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam

Về mặt địa chính trị, Việt Nam có một vị trí hết sức quan trọng trên bản đồ thế giới, trong quá khứ, hiện tại, cũng như tương lai. Với vị trí địa lý của mình, Việt Nam có rất nhiều thuận lợi, cũng không ít thách thức trong lịch sử phát triển của đất nước. Trên thực tế, Việt Nam cần phát huy được ưu thế của vị trí địa-chính trị của mình để phát triển, tuy còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc.

Ngày nay, Việt Nam có dân số đông, phần lớn khá trẻ, tốc độ phát triển kinh tế cao (Việt Nam sẽ ra khỏi những năm khủng hoảng kinh tế và sẽ lại tiếp tục phát triển cao). Hoa Kỳ và Trung Quốc, hai nước lớn của thế giới, vì lợi ích riêng biệt của mình, một nước muốn có mặt và phát triển các mối quan hệ, nâng cao địa vị ở Đông Nam Á, Đông Á, một nước muốn tiến vào Đông Nam Á và tiến ra thế giới, không thể không tính đến Việt Nam, dù có những chính sách rất khác nhau đối với Việt Nam. Hơn nữa, quan hệ quốc tế ngày nay tiến triển khá phức tạp và với sự phát triển nhanh chóng của Việt Nam, vị trí của Việt Nam trên thế giới, khiến cho Việt Nam trở thành một mắt khâu trong hệ thống các mối quan hệ ở khu vực và thế giới. Mắt khâu đó có quan trọng và mạnh hay không là tùy thuộc vào Việt Nam. Điều đó làm cho các nước lớn có lợi ích ở khu vực như Hoa Kỳ và Trung Quốc đã có những điều chỉnh nhất định trong chính sách đối với Việt Nam.

Vấn đề kinh tế - xã hội

Vấn đề kinh tế - xã hội cũng là một trong những cơ sở quan trọng trong việc phát triển quan hệ giữa hai nước.

Ngay từ đầu, việc mở rộng các quan hệ kinh tế - xã hội đã là một hướng quan trọng mà hai nước sử dụng để cải thiện quan hệ sau chiến tranh.

Các quan hệ kinh tế được thể hiện nổi bật qua quan hệ thương mại và đầu tư song phương đã góp phần kết nối nhiều mối quan hệ khác. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Hoa Kỳ từ chỗ chưa có gì ban đầu, đến nay đã chiếm trên 20% kim ngạch thương mại quốc tế của Việt Nam. Con số này không chỉ nói lên vị trí của trao đổi thương mại, nó còn bao hàm trong đó nhiều vấn đề liên quan đến tăng trưởng, việc làm, cơ cấu ngành kinh tế, giáo dục đào tạo... Các quan hệ xã hội cũng đã được hai nước tích cực thúc đẩy phát triển ngay từ đầu. Rất nhiều đoàn du lịch của các tổ chức, cá nhân, rất nhiều nhà khoa học, nhà kinh doanh, các chính khách, sinh viên, nhiều cựu binh Hoa Kỳ, Việt Kiều, đại diện các công ty, tập đoàn, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức của nhà nước,... của Hoa Kỳ đã sang thăm tìm hiểu Việt Nam, ngay cả trong những ngày tháng Hoa Kỳ chưa bỏ cấm vận đối với Việt Nam; đồng thời cũng có rất nhiều người Việt Nam đã sang Hoa Kỳ dưới nhiều hình thức... Tất cả đã góp phần tạo nên những bước tiến đi lên trong quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ cho đến hôm nay.

Cơ sở pháp lý

Về quan hệ kinh tế giữa hai nước, có thể kể đến các mốc pháp lý quan trọng sau đây: Hoa Kỳ đã điều chỉnh lại phần 385 của Bộ Luật Liên bang về Thương mại, chuyển Việt Nam từ nhóm Z lên nhóm Y, ít bị hạn chế hơn về thương mại; năm 1996, hai nước đã trao cho nhau văn bản về nguyên tắc bình thường hóa quan hệ kinh tế - thương mại, cũng trong năm này hai

nước bắt đầu đàm phán về Hiệp định Thương mại song phương; năm 1997 vấn đề nợ của chính quyền cũ được giải quyết, giữa năm Đại sứ của hai nước đã đến Thủ đô của nhau chính thức thực hiện nhiệm kỳ công tác của mình, hai nước đã ký kết Hiệp định về Quyền tác giả (27/6/1997); năm 1998 Hoa Kỳ bắt đầu không áp dụng Điều luật Jackson-Vanik đối với Việt Nam, tiếp đó, Hoa Kỳ ký Hiệp định OPIC, cho phép OPIC hoạt động tại Việt Nam liên quan đến đầu tư tư nhân của Hoa Kỳ tại nước ngoài; năm 1999 Hiệp định Bảo lãnh khung và Hiệp định Khuyến khích dự án giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Hoa Kỳ đã được ký kết; năm 2000, Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ đã được ký (ký ngày 13/7/2000, có hiệu lực ngày 10/12/2001); những năm sau đó, nhiều hiệp định quan trọng về kinh tế - thương mại giữa hai nước đã tiếp tục được ký kết, như Hiệp định Hợp tác về Khoa học và Công nghệ (có hiệu lực từ ngày 26/3/2001), Hiệp định Dệt may (có hiệu lực từ 1/5/2003), Hiệp định Hàng không (có hiệu lực từ 14/1/2004), Hiệp định khung hợp tác về Kinh tế và Kỹ thuật (có hiệu lực từ 28/7/2005), Bản Ghi nhớ hợp tác về Nông nghiệp (ký tháng 6/2005). Đáng chú ý là ngày 31/5/2006, hai nước đã chính thức ký thoả thuận kết thúc đàm phán song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Ngày 9/12/2006, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua dự luật áp dụng quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) đối với Việt Nam, và ngày 29/12/2006, Tổng thống G. Bush đã ký ban hành luật này. Ngày 21/6/2007, Chủ tịch nước Nguyễn

Minh Triết nhân chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ đã chứng kiến việc ký Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA) giữa hai nước.

Với TIFA, hai bên có thể cải thiện môi trường đầu tư nhiều hơn so với thương mại. Nếu đầu tư đạt quy mô lớn, có thể sẽ có những bước nhảy vọt mới về buôn bán giữa hai nước. Nếu quan hệ FDI giữa Việt Nam và Hoa Kỳ phát triển tốt đẹp và khi xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ lên đến một mức khá lớn hàng năm, thì việc mở rộng đầu tư sẽ diễn ra nhanh chóng hơn nhiều, các chính phủ kế tiếp nhau của Hoa Kỳ sẽ đáp ứng tích cực hơn nhu cầu phát triển của các công ty xuyên quốc gia đang có rất nhiều nhu cầu đầu tư, nhất là khi Hoa Kỳ dần thoát khỏi khủng hoảng kinh tế.

Một vấn đề quan trọng khác đối với quan hệ kinh tế của Việt Nam với Hoa Kỳ là việc Hoa Kỳ áp dụng quy chế Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP) - hiện đang chưa được áp dụng.

Đối với Việt Nam, có GSP mới có thể nói là sẽ có sân chơi bình đẳng với một số nước và một số mặt hàng xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ, như nông hải sản và rau quả chế biến, một số mặt hàng máy móc cơ khí, thiết bị điện đang có xu hướng gia tăng nhanh trong mấy năm qua.

Về nguyên tắc, khi hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ ký kết BTA, Hoa Kỳ đã cam kết trong nội dung của BTA việc dành cho Việt Nam quy chế GSP, nhưng trên thực tế Hoa Kỳ chưa thực hiện. GSP là kết quả hoạt động của UNCTAD, nhưng mỗi nước tự nguyện đưa ra chương trình riêng của mình. Với thị trường Hoa Kỳ, những mặt hàng được hưởng GSP đều có thuế suất bằng 0. Như vậy, nhiều chủng loại hàng hóa (hầu hết các hàng nông

sản và thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ là hàng hoa quả nhiệt đới, tôm cua chế biến mà Hoa Kỳ không có hoặc là đang cần cho tiêu dùng) của Việt Nam sẽ có điều kiện thuận lợi xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

II. Quan hệ kinh tế giữa hai nước phát triển mạnh

Quan hệ kinh tế từ sau khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận chống Việt Nam đã trải qua các giai đoạn khác nhau; về luật pháp, nhiều hiệp định liên quan đến những nguyên tắc quan hệ kinh tế song phương đã dần được ký kết (như đã nêu trên); về kinh tế, nhiều bước phát triển mở rộng quan hệ kinh tế giữa hai nước đã đưa lại nhiều lợi ích kinh tế cho cả hai nước, nhất là đối với sự phát triển của Việt Nam.

Năm đầu tiên Hoa Kỳ bỏ cấm vận chống Việt Nam, kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt tới 222,673 triệu USD, tăng 31 lần so với năm 1993; năm 1995 tăng lên 452 triệu, hơn gấp hai lần năm 1994. Có thể thấy, đây là tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong quan hệ buôn bán của Việt Nam với nước ngoài. Cho đến năm 2000, một năm trước khi BTA giữa hai nước có hiệu lực, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Hoa Kỳ đã tăng lên trên 1 tỷ USD (đạt tới 1.190 tỷ USD).

Đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam cũng có những bước thay đổi thích ứng với những bước phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước. Nếu như năm 1993, Hoa Kỳ mới có 7 dự án đầu tư vào Việt Nam với 3,3 triệu USD vốn đăng ký, thì riêng trong năm đầu tiên Hoa Kỳ bỏ cấm vận, đã có 12 dự án đầu tư, với số vốn đầu tư đăng ký lên tới trên 120 triệu USD. Tuy nhiên, đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam tăng giảm không như mong muốn tốt đẹp

của mối quan hệ đang tốt dần lên giữa hai nước. Năm 1998, vốn đầu tư của Hoa Kỳ tăng lên tới gần 307 triệu USD, nhưng năm sau đó lại giảm xuống còn 96,3 triệu và năm 2000 chỉ đạt 20 triệu. Điều này phản ánh tính không chắc chắn trong đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam thời kỳ này.

Đánh giá 5 năm thực hiện BTA giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, rất nhiều chuyên gia, chính khách trong và ngoài nước cho rằng, đã có sự bùng nổ thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, với sự xuất siêu rất cao của phía Việt Nam. Điều đó được thể hiện qua những số liệu chính thức về quan hệ thương mại giữa hai nước: trong năm đầu thực hiện BTA, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ tăng tới 128%, năm 2003 đã tăng 90%. Sau 5 năm thực hiện BTA, kim ngạch thương mại Việt - Hoa Kỳ đã tăng hơn 8 lần, trong đó giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã tăng từ 1 tỷ USD năm 2001 lên 7,8 tỷ USD năm 2006.

Đến nay, theo số liệu của Bộ Thương mại Hoa Kỳ, kim ngạch thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ năm 2008 là 15,283 tỷ USD, tăng trên 23,6% so với năm 2007 (năm 2007 Việt Nam xuất sang Hoa Kỳ 12,610 tỷ USD - tăng 19,6% và Hoa Kỳ xuất sang Việt Nam 2,673 tỷ USD - tăng 46,60%). Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý I năm 2009 của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ chỉ đạt 2,3 tỷ USD, giảm 6,4% so với năm trước, đồng thời, nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ đã giảm tới 24% và chỉ đạt 500 triệu USD. Hiện nay, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ chiếm khoảng 20% tổng giá trị xuất khẩu.

Về đầu tư, có thể cho rằng, những cơ sở pháp lý cho quan hệ kinh tế giữa hai nước được hoàn thiện dần là cơ sở

quan trọng cho việc gia tăng vốn đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam, điều này có nghĩa rằng khi Hoa Kỳ thực hiện nghĩa vụ TIFA, và khi điều kiện quan hệ kinh tế giữa hai nước là bình thường (hiện nay đang còn khủng hoảng kinh tế) thì vốn FDI của Hoa Kỳ sẽ có điều kiện tăng lên ở Việt Nam.

Năm 2006, Việt Nam đã thu hút tổng vốn FDI tới 12 tỷ USD, tăng 375%, riêng đầu tư từ Hoa Kỳ, kể cả qua nước thứ 3, đạt khoảng 4 tỷ USD đối với các dự án đã đăng ký và 3,3 tỷ USD đối với các dự án đã thực hiện. Con số này đã đặt Hoa Kỳ vào hàng các nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam. Tập đoàn Intel đầu tư nhà máy sản xuất chip bán dẫn 1 tỷ USD vào TP. Hồ Chí Minh (mặc dù đây mới chỉ là vốn đăng ký) là dấu hiệu triển vọng đầu tư của Hoa Kỳ cho một giai đoạn mới. Có thể thấy rằng, với tác động của BTA giữa hai nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tăng mạnh trong những lĩnh vực hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ. Đặc biệt trong các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động như: dệt may, giày dép, đồ gia dụng và các sản phẩm đồ gỗ (đầu tư trực tiếp nước ngoài vào 3 ngành này tăng hơn 7 lần trong giai đoạn 2000-2005, đạt trên 300%. Trong 4 tháng đầu năm 2009, đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam suy giảm lớn, chỉ đạt 1,2 triệu USD vốn đăng ký, nếu tính thêm 3.801,4 triệu USD vốn đăng ký bổ sung của ba lượt dự án được cấp phép từ các năm trước, thì tổng số vốn FDI đăng ký của Hoa Kỳ đạt 3.802,6 triệu USD.

Một trong những vấn đề quan trọng cần chú ý là vấn đề chất lượng và hiệu quả của mối quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ, nhất là từ sau khi có BTA giữa hai nước.

Trong 15 nhóm hàng chủ yếu của Việt Nam xuất sang Hoa Kỳ năm 2008 có giá trị và tỷ lệ tăng cao hơn so với năm 2007, có dệt may: 5.265 triệu USD, tăng 19,97%; đồ gỗ: 1.456 triệu USD, tăng 18,5 %; giày dép: 1.211 triệu USD, tăng 17,5%. Đây cũng là những nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu cả năm vượt 1 tỷ USD. Thấp nhất về giá trị trong 15 nhóm hàng trên là các sản phẩm xuất khẩu về đồ chơi, dụng cụ thể thao và các loại phụ tùng đi kèm, chỉ đạt hơn 81 triệu USD.

Cũng theo số liệu trên, 14 trong 15 nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ sang Việt Nam trong năm 2008 có giá trị tăng cao hơn so với năm 2007, chỉ có nhóm các loại quả, hạt ăn được là giảm 9,7% về giá trị xuất khẩu so với năm trước. Đứng đầu về giá trị của 15 nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ sang Việt Nam là xe và phương tiện giao thông, đạt hơn 322 triệu USD, tăng 30% so với năm 2007. Nhóm hàng thịt và nội tạng dùng làm thực phẩm của Hoa Kỳ xuất sang Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao nhất với 230 triệu USD, tăng 299,5% so với năm 2007.

Có thể thấy, quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ đã góp phần làm thay đổi cơ cấu các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam. Từ những năm đầu mở rộng quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ, hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là sản phẩm sơ chế, đến nay, theo các chuyên gia đánh giá về chất lượng sản phẩm, hàng tinh chế đã chiếm tới 75%, nhất là đồ gỗ, máy xử lý số liệu, thiết bị viễn thông, hàng phục vụ du lịch, đồ nhựa, đồ chơi...

Tuy nhiên, cũng có thể thấy rằng, những đánh giá lạc quan đó là nhằm tạo thuận lợi cho phát triển sản xuất xuất khẩu về hình thức nói chung.

Khi đánh giá cụ thể hơn, có thể thấy, đa phần hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn là những mặt hàng chất lượng chưa cao, là những mặt hàng kết tinh nhiều giá trị lao động giản đơn, gia công, nhiều giá trị nguyên liệu nhập khẩu; trong khi đó, những mặt hàng có giá trị gia tăng cao với chính bàn tay khối óc của người lao động Việt Nam còn ít.

Có chuyên gia cho rằng, khi phân tích cụ thể, chẳng hạn, đối với mặt hàng dệt may, là mặt hàng chiếm khoảng 50% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ, có thể thấy rằng trong tổng số giá trị hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ chỉ có khoảng 5% - 10% giá trị xuất khẩu là giá trị gia tăng trong nước, phần còn lại thuộc về các nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ nước khác. Nghĩa là những nước bán nguyên liệu cho Việt Nam có lợi hơn Việt Nam nhiều lần khi Việt Nam xuất khẩu ngày càng nhiều hơn vào Hoa Kỳ. Mặc dù thành công của Việt Nam là đã đa dạng hóa được các mặt hàng chế biến xuất khẩu, từ may mặc đến các loại sản phẩm công nghiệp nhẹ khác mà Việt Nam hiện đang tập trung phát triển, song thị phần ở Hoa Kỳ còn nhỏ. Có những mặt hàng có thể có thị phần lớn, lại có thể gặp phải những khó khăn khác khi mở rộng quy mô xuất khẩu, chẳng hạn, hai mặt hàng chế biến chủ yếu của Việt Nam là cá phi lê và tôm đông lạnh của nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã bị Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá (và đầu năm 2009, khi công bố kết quả xem xét thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm cá tra đông lạnh Việt Nam, một số công ty được coi là không bán phá giá và được hưởng mức thuế chống bán phá giá bằng 0.

Điều này có thể thấy, mặc dù có những thay đổi tích cực trong thay đổi cơ cấu xuất khẩu (nhờ có những thay đổi thích ứng trong cơ cấu sản xuất), hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ vẫn còn có nhiều vấn đề cần giải quyết. Trước tiên là hàng hóa Việt Nam cần có những thay đổi định hướng trước để hướng nhanh hơn vào những sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Một vấn đề khác cần chú ý là cơ cấu và quy mô xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, làm sao tăng được xuất khẩu nhiều mặt hàng với quy mô lớn, nhưng không vấp phải các rào cản (có rất nhiều loại rào cản) từ phía Hoa Kỳ, như những đánh giá về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, giá cả sản phẩm - bán phá giá...

III. Các mối quan hệ khác hỗ trợ mở rộng quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ

Các mối quan hệ song phương khác giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ bảo đảm cho sự phát triển quan hệ giữa hai nước, nhất là hỗ trợ cho sự phát triển quan hệ kinh tế có thể kể đến là: các quan hệ chính trị, an ninh quốc phòng, đào tạo giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, lao động, giao lưu hữu nghị giữa nhân dân hai nước...

Như trên đã viết, Việt Nam và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 12/7/1995, từ đó đến nay, các quan hệ này đã tiến triển khá nhanh chóng.

Về chính trị: Hai bên đã có nhiều đoàn cấp cao thăm và làm việc với nhau. Trong nhiều năm, đã có nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của Việt Nam thăm Hoa Kỳ, như phái đoàn của Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm (1998, 2000); Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng (2001); Phó Thủ tướng Vũ Khoan (2003); Thủ tướng Phan Văn Khải (6/2005); Phó Thủ

tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm (3/2007); Chủ tịch Nguyễn Minh Triết (7/2007); Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (6/2008) và nhiều đoàn cấp cao khác. Phía Hoa Kỳ cũng cử nhiều đoàn cấp cao thăm Việt Nam: Ngoại trưởng W. Christopher (1995); Cố vấn an ninh quốc gia A. Lake (1996); Ngoại trưởng M. Albright (1997); Cựu Tổng thống G. Bush (1995); Bộ trưởng Quốc phòng W. Cohen (2000); Tổng thống W. Clinton (tháng 11/2000); Ngoại trưởng C. Powell (2001); Chủ tịch Hạ viện D. Hastert (tháng 4/2006); Bộ trưởng Quốc phòng D. Rumsfeld (6/2006); Đại diện Thương mại S. Schwab (5/2006); Bộ trưởng Tài chính H. Paulson (9/2006); Ngoại trưởng C. Rice, Tổng thống G. Bush (11/2006)...

Trong các chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ của lãnh đạo cao cấp nhất của Việt Nam, hai bên đã ra nhiều tuyên bố khẳng định mong muốn xây dựng quan hệ đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt, ổn định lâu dài giữa hai nước. Phía Hoa Kỳ cam kết tôn trọng chủ quyền, an ninh của Việt Nam, mở ra những cơ hội hợp tác mới giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực. Đây chính là những cơ sở, hay nguyên tắc cơ bản để hai nước tiếp tục phát triển các mối quan hệ với nhau. Nếu không có các mối quan hệ chính trị thông suốt, hiểu biết, nhất trí, nhất quán thiết lập quan hệ chiến lược tin cậy, thì khó có thể mở rộng và phát triển các mối quan hệ khác.

Trong lĩnh vực Khoa học - Công nghệ, Văn hoá, Giáo dục - Đào tạo, Y tế và Lao động: Hai nước đã ký kết nhiều văn bản quan trọng như Tuyên bố chung về hợp tác y tế giữa hai Bộ Y tế (12/1997), Thỏa thuận hợp tác về Thể dục Thể thao (tháng 3/1999), Bản ghi nhớ về Hợp tác Lao động Việt

Nam - Hoa Kỳ (11/2000), Bản Ghi nhớ về Hợp tác Kỹ thuật trong lĩnh vực Khí tượng Thủy văn (1/2001), Biên bản Ghi nhớ giúp đào tạo nhân lực cho ngành Thủy sản Việt Nam (11/3/2003), Hiệp định hợp tác Y tế và Khoa học y học Việt Nam - Hoa Kỳ (7/2006)... Năm 2003, hai nước đã ký kết Nguyên tắc hợp tác trong việc thực hiện Đề án Quỹ Giáo dục Hoa Kỳ dành cho Việt Nam (VEF), cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam sang Hoa Kỳ đào tạo về các ngành khoa học, công nghệ. Ngày 23/6/2004, Tổng thống Hoa Kỳ G. Bush tuyên bố đưa Việt Nam vào danh sách 15 nước ưu tiên trong Kế hoạch Viện trợ khẩn cấp về phòng chống HIV/AIDS. Hoa Kỳ cũng hợp tác tích cực và tài trợ cho Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống dịch cúm gia cầm.

Hai nước cũng đang duy trì đối thoại về các vấn đề lao động, nhân quyền và tôn giáo.

Hợp tác về các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại: Với chính sách nhân đạo của mình, Việt Nam đã và đang hợp tác tích cực với Hoa Kỳ trong việc giải quyết vấn đề người Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh Việt Nam. Đến nay, sau nhiều đợt tìm kiếm hỗn hợp, phía Việt Nam đã trao cho Hoa Kỳ hơn 800 bộ hài cốt. Phía Hoa Kỳ cũng đang từng bước hợp tác với Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề hậu quả chiến tranh ở Việt Nam, như cung cấp các thông tin liên quan tới việc tìm kiếm người Việt Nam bị mất tích trong chiến tranh, tổ chức hội nghị về nghiên cứu hậu quả chất độc da cam, thực hiện các chương trình rà phá bom mìn, trồng cây xanh, trợ giúp nạn nhân...

Việc giải quyết hậu quả chất độc da cam cũng đã có những tiến triển bước đầu. Ngày 25/5/2007, Quốc hội Hoa

Kỳ đã thông qua khoản chi 3 triệu USD hỗ trợ bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khoẻ tại Việt Nam. Các nạn nhân Việt Nam đã đệ đơn kiện các công ty hoá chất Hoa Kỳ tại Toà án Liên bang Hoa Kỳ để buộc các công ty Hoa Kỳ phải có trách nhiệm.

Quan hệ an ninh - quân sự: hai bên đã trao đổi Tuỳ viên quân sự; tiến hành trao đổi các đoàn quân sự cao cấp, kể cả các đoàn cấp Thứ trưởng và Bộ trưởng Quốc phòng, nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ W. Cohen thăm Việt Nam tháng 3/2000. Bộ trưởng Quốc phòng Phạm Văn Trà đã thăm Hoa Kỳ tháng 11/2003. Tháng 6/2006, Bộ trưởng Quốc phòng D. Rumsfeld thăm Việt Nam. Từ năm 2003, hàng năm, tàu hải quân Hoa Kỳ thăm hữu nghị cảng Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác song phương. Ngày 29/12/2006, cùng với việc tuyên bố dành quy chế PNTR cho Việt Nam, Tổng thống G. Bush ra quyết định dỡ bỏ cấm vận bán một số mặt hàng quân dụng phi sát thương cho Việt Nam.

Hợp tác chống khủng bố: Việt Nam đã và đang tiếp tục hợp tác với Hoa Kỳ trong một số lĩnh vực cụ thể của hoạt động chống khủng bố. Đồng thời, Việt Nam cũng yêu cầu Chính phủ Hoa Kỳ hợp tác ngăn chặn và nghiêm trị những tổ chức và cá nhân có hành động khủng bố chống Việt Nam.

Về giao lưu hữu nghị giữa nhân dân hai nước, có thể cho rằng trong suốt quá trình hòa giải, phát triển quan hệ chính thức giữa hai nước, các mối giao lưu nhân dân đã có những đóng góp hết sức quan trọng và cần được tiếp tục mở rộng, phát triển.

IV. Đánh giá và triển vọng

Một đánh giá chung của chúng tôi có thể nêu lên là quan hệ kinh tế Việt

Nam - Hoa Kỳ trong gần 15 năm qua, kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay, đã có những bước tiến hết sức to lớn và quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và đối với việc mở rộng bang giao Việt Nam - Hoa Kỳ. Triển vọng của mối quan hệ là rất tốt đẹp.

Trước hết, nếu nói là to lớn, có thể cho rằng, mối quan hệ kinh tế song phương này đã góp phần mở rộng quy mô phát triển kinh tế của Việt Nam, tạo điều kiện tích cực cho Việt Nam thực hiện có hiệu quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có rất nhiều ngành nghề, lĩnh vực trước đây Việt Nam chưa có, hoặc chưa phát triển, thông qua hợp tác với Hoa Kỳ, Việt Nam đã có điều kiện để phát triển và mở rộng quy mô phát triển. Hoa Kỳ đã trở thành đối tác kinh tế quan trọng bậc nhất của Việt Nam, kim ngạch thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ chiếm khoảng 20-25% tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam, cũng như GDP của Việt Nam, nghĩa là quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ bảo đảm công ăn việc làm cho khoảng hàng chục triệu người Việt Nam.

Việt Nam đang đẩy mạnh quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ, theo chúng tôi, quy mô và mức độ sẽ được mở rộng hơn rất nhiều trong thời gian tới, nhưng sự lớn mạnh của Việt Nam trong quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ để trở thành một nước công nghiệp có tầm cỡ như thế nào còn tùy thuộc vào khả năng và trình độ của Việt Nam, hay đúng hơn là của Lãnh đạo, của các doanh nghiệp và của người dân Việt Nam.

Nếu đúng như đánh giá của nhiều người về "bùng nổ" quan hệ thương mại và đầu tư với Hoa Kỳ của Việt Nam từ khi thực hiện BTA song phương đến nay, thì nghĩa là mối

quan hệ kinh tế giữa hai nước phát triển rất tốt đẹp trong những năm qua. Theo chúng tôi, đây là đánh giá bước đầu, về chất lượng và hiệu quả quan hệ những năm về sau so với những năm đầu khi hai nước mới thiết lập quan hệ, lúc đó các chỉ số đo được mới chỉ là vài triệu USD và nền kinh tế Việt Nam mới thoát ra khỏi chiến tranh và thực hiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1995, khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao là 451,40 triệu USD; năm 2001, năm có BTA, là 1,476 tỷ USD; đến năm 2008, là 15,283 tỷ USD và Việt Nam xuất siêu 10 tỷ USD. Đúng là số liệu đã chỉ ra sự bùng nổ quan hệ thương mại giữa hai nước. Nhưng nếu cứ phát triển như vậy, khi nói về chất lượng và hiệu quả của sự hợp tác kinh tế và của những sản phẩm đem ra hợp tác (xuất nhập khẩu), có thể cho rằng, Việt Nam dù có mở rộng được quy mô hết sức to lớn, có nhiều số liệu bùng nổ hơn nữa trong quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ, thì Việt Nam vẫn khó có thể tạo cho mình những điều kiện cần thiết để nâng cấp phát triển kinh tế, trở thành nước công nghiệp khỏe và mạnh như chúng ta mong muốn. Việt Nam không thể cứ tiếp tục xuất khẩu hàng có trình độ công nghệ thấp, dù quy mô (số lượng) có tăng lên rất đáng kể, lại để ngổ thị trường nội địa (không hề có che chắn được phép theo quy định của WTO) cho hàng hóa chất lượng thấp, có cả hàng độc hại sức

khỏe con người (áo quần, hoa quả, thực phẩm...) của nước khác tràn ngập từ Nam chí Bắc. Việt Nam cũng không thể cứ tiếp tục nhập hàng tiêu dùng xa xỉ tràn lan và bảo hộ phi lý một số mặt hàng để người tiêu dùng Việt Nam phải mua hàng với giá cao nhất thế giới. Cải cách kinh tế đi liền với những hoàn thiện hệ thống chính trị như Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương là hợp lý; điều cần thiết là cần có bước đi và giải pháp rõ ràng cho sự phát triển của đất nước, đặc biệt trong quan hệ hợp tác kinh tế với Hoa Kỳ.

Những bước phát triển quan hệ kinh tế của Việt Nam với Hoa Kỳ từ những năm 1994, 1995 đến nay có thể đã tạo đủ về mặt thời gian để suy nghĩ về những bước phát triển tiếp theo. Nếu coi 15 năm qua là giai đoạn thiết lập quan hệ, xem xét, thăm dò, thử nghiệm, xuất nhập khẩu hàng hóa theo nhu cầu lợi ích ngắn hạn, ngay trước mắt; thì 15 năm tiếp theo trong quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ, Việt Nam cần phải có kế hoạch, chương trình ngay từ bây giờ; là giai đoạn mà trình độ mọi mặt, từ chất lượng và công nghệ của sản phẩm, quản lý kinh tế và quản lý nhà nước đối với toàn bộ hệ thống kinh tế, xuất nhập khẩu, sản phẩm,... phải được nâng cao hơn hẳn giai đoạn 15 năm qua, phục vụ nhu cầu lợi ích phát triển lâu dài của Việt Nam, cũng như lợi ích của Hoa Kỳ ở Việt Nam và khu vực Châu Á ■